

Đặc tả use case UC002 “Place Order”(đặt hàng)

Use Case “Đặt hàng”

1. Mã Use case

UC002

2. Brief Description

Use case này mô tả sự tương tác giữa khách hàng và AIMS software khi khách muốn đặt hàng

3. Tác nhân

Bao gồm: Khách hàng

4. Tiền điều kiện

Khách có sản phẩm trong giỏ hàng

5. Luồng chính

1. Khách xem giỏ hàng
2. AIMS kiểm tra sản phẩm còn đủ không
3. AIMS hiển thị giỏ hàng
4. Khách yêu cầu đặt hàng
5. AIMS hiển thị form thông tin vận chuyển
6. Khách hàng nhập và gửi thông tin vận chuyển
7. AIMS tính toán chi phí vận chuyển
8. AIMS hiển thị hóa đơn
9. Khách xác nhận đặt hàng
10. AIMS chuyển tới UC001 “Thanh toán”
11. AIMS lưu lại đơn hàng
12. AIMS xóa giỏ hàng
13. AIMS hiển thị thông báo đặt hàng thành công

6. Luồng thay thế

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
1.	Bước 3	Lượng hàng không còn đủ	- AIMS thông báo không còn đủ, hiện số lượng còn lại và yêu cầu khách cập nhật lại giỏ hàng - Khách cập nhật lại giỏ hàng	Bước 2

2.	Bước 6	Khách yêu cầu giao hàng nhanh	<p>AIMS kiểm tra xem có sản phẩm nào hỗ trợ giao hàng nhanh không.</p> <p>- Nếu không thì yêu cầu khách hàng nhập lại (bước 6)</p> <p>- Nếu có, AIMS chuyển sang UC003 “Đặt hàng giao nhanh”</p>	Bước 8
3.	Bước 7	Thông tin vận chuyển còn thiếu	AIMS yêu cầu khách hàng nhập đủ	Bước 5
4.	Bước 7	Số điện thoại không hợp lệ	AIMS yêu cầu nhập lại số điện thoại	Bước 5

7. Dữ liệu đầu vào

Bảng 1- Đầu vào của thông tin vận chuyển

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Tên người nhận		Có		Đỗ Minh Hoàng
2.	Số điện thoại		Có	Có 10 chữ số	0986156654
3.	Tỉnh		Có		Hà Nội
4.	Địa chỉ		Có		Số 1 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng
5	Chỉ dẫn giao hàng		Không		Giao đến sau giờ hành chính

8. Dữ liệu đầu ra

Bảng 2- Đầu ra của thông tin giỏ hàng

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Dạng hiển thị	Ví dụ
1.	Tên	Tên sản phẩm		Sách “Thiết kế phần mềm”

2.	Giá	Giá trên mỗi đơn vị sản phẩm	- Ngăn cách hàng nghìn bởi dấu phẩy - Số dương - Căn lẻ phải	100,000
3.	Số lượng	Số đơn vị sản phẩm	- Số dương - Căn lẻ phải	40
4.	Thành tiền	Tổng tiền của sản phẩm tương ứng	- Ngăn cách hàng nghìn bởi dấu phẩy - Số dương - Căn lẻ phải	4,000,000
5.	Tổng tiền trước VAT	Tổng tiền giỏ hàng chưa bao gồm VAT		4,000,000
6.	Tổng tiền gồm VAT	Tổng tiền giỏ hàng đã bao gồm VAT		4,200,000
7.	Phí vận chuyển			15,000

Bảng 3- Đầu ra của thông tin hóa đơn

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Dạng hiển thị	Ví dụ
1.	Tên	Tên sản phẩm		Sách “Thiết kế phần mềm”
2.	Giá	Giá trên mỗi đơn vị sản phẩm	- Ngăn cách hàng nghìn bởi dấu phẩy - Số dương - Căn lẻ phải	100,000
3.	Số lượng	Số đơn vị sản phẩm	- Số dương - Căn lẻ phải	40
4.	Thành tiền	Tổng tiền của sản phẩm tương ứng	- Ngăn cách hàng nghìn bởi dấu phẩy	4,000,000
5.	Tổng tiền trước VAT	Tổng tiền giỏ hàng chưa bao gồm VAT		4,000,000

6.	Tổng tiền gồm VAT	Tổng tiền giỏ hàng đã bao gồm VAT	- Số dương - Căn lẽ phải	4,200,000
7.	Phí vận chuyển			15,000
8.	Tổng thanh toán			4,215,000
9.	Đơn vị tiền			VND
10.	Tên			Đỗ Minh Hoàng
11.	Số điện thoại			0986156654
12.	Tỉnh			Hà Nội
13.	Địa chỉ			Số 1 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng
14.	Chỉ dẫn giao hàng			Giao đến sau giờ hành chính

Các dòng 1,2,3,4 ở bảng 2,3 có thể lặp lại với hóa đơn nhiều sản phẩm

9. Hậu điều kiện

Không có